



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐOẠN NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SƠN LA**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Sơn La theo Quyết định số 4546/QĐ-UB ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 24.03.000059 ngày 18 tháng 4 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 05 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp bổ sung Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi số đăng ký kinh doanh theo mã số doanh nghiệp là 5500154649, thay đổi Cổ đông sáng lập và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, trong đó thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Điện thoại : 0223.854 934
Fax : 0223.854 539
Mã số thuế : 5 5 0 0 1 5 4 6 4 9

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công công trình cấp nước đô thị và nông thôn;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Tổ chức các khu vui chơi giải trí dưới nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn, thiết kế các công trình cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất kinh doanh nước sạch; sản xuất kinh doanh nước tinh khiết đóng chai; kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành cấp nước; kinh doanh cây cảnh và trang trí ngoại thất công trình./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Lương Thế Công	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Bùi Văn Đình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Tiến Hán	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Hoàng Sỹ Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Quyết Chiến	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Bà Giang Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Bùi Hồng Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Bùi Văn Đỉnh	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Lương Thế Công	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Tiến Hán	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Bùi Văn Đỉnh	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CHỖ
CỔ
ĐƠN
M T O
A
T A I
V G E

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Đình

Ngày 18 tháng 01 năm 2017

11
NH
V
G
H
&
H
A



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 01 năm 2017, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi không được cung cấp tài liệu về các khoản vay ODA cho dự án Jbic Mộc Châu và dự án Cấp thoát nước Yên Châu (xem thuyết minh số V.14b) với số tiền lần lượt là 7.844.942.884 VND và 7.958.887.630 VND. Do vậy chúng tôi cũng không xác định được tính đầy đủ và hợp lý của các khoản vay trên cũng như lãi vay phải trả tương ứng.
- Số dư của Tài sản cố định khác (xem thuyết minh V.8) với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.911.751.840 VND và 1.279.707.149 VND là chênh lệch của tài sản từ giai đoạn cổ phần hóa. Chúng tôi không có đủ căn cứ để xác định tính đầy đủ và hợp lý của các tài sản trên.

TIẾP NHẬN CHỖ ĐÓNG CHỮ

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409 -2013-008-1
Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2017

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

HA
Y
HA

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.694.956.072	30.154.748.745
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.539.792.629	11.146.496.355
1. Tiền	111		1.539.792.629	11.146.496.355
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.247.171.208	8.589.740.554
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	7.578.235.421	6.671.813.357
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	604.479.590	347.679.190
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.210.200.387	1.877.148.597
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(145.744.190)	(306.900.590)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	13.376.768.073	9.687.424.738
1. Hàng tồn kho	141		13.699.473.776	10.010.130.441
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(322.705.703)	(322.705.703)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.531.224.162	731.087.098
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.513.375.762	695.907.365
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	17.848.400	35.179.733
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.202.814.940	101.115.425.952
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.350.000.000	1.350.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.350.000.000	1.350.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		93.997.388.065	90.977.268.952
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	93.997.388.065	90.977.268.952
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>222.589.512.958</i>	<i>205.477.476.740</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(128.592.124.893)</i>	<i>(114.500.207.788)</i>
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.147.195.400	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	9.147.195.400	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.000.000.000	8.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	8.000.000.000	8.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		708.231.475	788.157.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	708.231.475	788.157.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		139.897.771.012	131.270.174.697

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		61.559.466.602	63.922.164.312
I. Nợ ngắn hạn	310		16.290.511.203	12.745.510.864
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.364.070.707	157.418.733
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		150.000.000	439.817.562
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	402.816.625	835.971.657
4. Phải trả người lao động	314		3.721.370.500	4.068.920.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	450.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	775.117.267	33.589.450
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	6.325.025.508	6.307.301.357
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	552.110.596	452.491.205
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		45.268.955.399	51.176.653.448
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	45.268.955.399	51.176.653.448
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.338.304.410	67.348.010.385
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	78.338.304.410	67.348.010.385
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.596.300.000	60.596.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.596.300.000	60.596.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	(1.486.040,145)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.358.140.494	1.555.233.731
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.219.734.938	6.518.387.821
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		359.746.667	(966.374.939)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.859.988.271	7.484.762.760
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		164.128.978	164.128.978
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		139.897.771.012	131.270.174.697

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trần Xuân Long

Kim Ngọc Nhiệm

Bùi Văn Đình

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

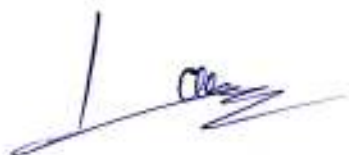
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	117.127.127.993	107.668.449.366
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		117.127.127.993	107.668.449.366
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	90.779.608.339	88.157.635.589
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.347.519.654	19.510.813.777
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	44.083.459	83.822.377
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	2.870.055.708	4.784.798.056
Trong đó: chi phí lãi vay	23		937.553.921	1.183.304.694
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.5	10.351.819.535	8.140.456.631
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.169.727.870	6.669.381.467
11. Thu nhập khác	31	VL.6	460.955.045	1.527.756.983
12. Chi phí khác	32	VL.7	1.405.436	35.528.008
13. Lợi nhuận khác	40		459.549.609	1.492.228.975
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.629.277.479	8.161.610.442
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	769.289.208	676.847.682
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12.859.988.271</u>	<u>7.484.762.760</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.8	<u>2.016</u>	<u>1.173</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL.8	<u>2.016</u>	<u>1.173</u>

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Long



Kim Ngọc Nhiệm



Bùi Văn Đỉnh

 98
 11 P
 CÔNG
 ANH
 TOÀN
 A
 TÀI
 3 Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		128.518.417.715	117.280.728.888
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(65.679.072.045)	(54.787.357.147)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.060.263.700)	(26.344.065.400)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(937.553.921)	(1.183.304.694)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.12	(912.698.435)	(363.382.665)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.647.461.399	10.428.001.528
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.001.508.538)	(22.455.840.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.574.782.475	22.574.780.159
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(26.844.369.844)	(6.252.442.608)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(55.700.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.844.369.844)	(6.308.142.608)

0-C
 11/11
 G.T
 M.H
 VÀ
 & C
 HAI
 1-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.307.301.357)	(6.138.140.170)		
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.029.815.000)			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(9.337.116.357)</i>	<i>(6.138.140.170)</i>		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.606.703.726)	10.128.497.381		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.146.496.355	1.017.998.974		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.539.792.629	11.146.496.355		

Người lập biểu



Trần Xuân Long

Kế toán trưởng



Kim Ngọc Nhiệm

Ngày 18 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Đình



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, xử lý, cấp nước sạch và nước sinh hoạt;
Xây dựng các công trình dân dụng;
Sản xuất kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần VBIC Sơn La có trụ sở chính tại Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 28,57%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh cấp nước Yên Châu	Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Mường La	Số 72, Tiểu khu 3, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Sông Mã	Tổ 2, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Bắc Yên	3-2, Tiểu khu 3, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Quỳnh Nhai	Quốc lộ 279, bản Pom Luông, xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp Xây lắp cấp nước	Số 46, đường Cách mạng tháng Tám, tổ 9, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 1	Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 2	Số 116A, đường Điện Biên, tổ 9, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Mộc Châu	Tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Phù Yên	Khối 8, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp	Bản Hua Mường, Sốp Cộp – Nậm Lạnh, xã Sốp Cộp, huyện Sốp

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
	Cộng, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn	Tiểu khu 20, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Thuận Châu	Số 14, đường Lò Văn Hặc, tiểu khu 15, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 273 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 273 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm tại Công ty chỉ có nghiệp vụ thanh toán tiền gốc và lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La. Theo hợp đồng vay thì khoản này được quy đổi ra Đồng Việt Nam khi thanh toán theo tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán. Do đó, số dư các khoản vay có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá trung tâm tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

HÀNG
VĂN
HÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Toàn bộ chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản phải thu khách hàng.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.347.100	16.026.900
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.535.445.529	11.130.469.455
Cộng	<u>1.539.792.629</u>	<u>11.146.496.355</u>

2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Là khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần VBIC Sơn La.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần VBIC Sơn La hoạt động trong lĩnh vực khai thác và cấp nước sinh hoạt, đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước..

Giao dịch với công ty liên kết

Giao dịch với Công ty Cổ phần VBIC Sơn La phát sinh trong năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua nước sinh hoạt từ VBIC Sơn La	861.557.600	178.507.600
Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành nhà máy cho VBIC Sơn La	379.570.800	81.492.600

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>7.578.235.421</i>	<i>6.671.813.357</i>
Phải thu khách hàng sử dụng nước	7.318.301.421	6.164.915.957
Phải thu các khách hàng khác	259.934.000	506.897.400
Cộng	<u>7.578.235.421</u>	<u>6.671.813.357</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>604.479.590</i>	<i>347.679.190</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sơn La	145.744.190	145.744.190
Đoàn Tài nguyên nước đồng bằng Sông Hồng	153.150.400	200.000.000
Công ty TNHH Cơ điện HAWACO	253.000.000	
Các đối tượng khác	52.585.000	1.935.000
Cộng	604.479.590	347.679.190

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.210.200.387</i>		<i>1.877.148.597</i>	
Tạm ứng	2.054.304.900		1.782.113.110	
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	118.000.000		57.140.000	
Các khoản phải thu khác	37.895.487		37.895.487	
Cộng	2.210.200.387		1.877.148.597	

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản phải thu tiền về tạm ứng dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<i>145.744.190</i>			<i>306.900.590</i>	
Ban giải phóng mặt bằng đoạn Sơn La - Tuần Giáo						
<i>Phải thu tiền xây lắp</i>				<i>>3 năm</i>	<i>161.156.400</i>	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sơn La						
<i>Phải thu tiền ứng trước</i>	<i>>3 năm</i>	<i>145.744.190</i>		<i>>3 năm</i>	<i>145.744.190</i>	
Cộng		145.744.190			306.900.590	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	306.900.590	681.862.904
Giảm do xử lý nợ		(374.962.314)
Hoàn nhập dự phòng	(161.156.400)	
Số cuối năm	145.744.190	306.900.590

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.345.118.312	(322.705.703)	8.993.835.960	(322.705.703)
Công cụ dụng cụ	1.122.671.742		780.691.742	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	231.683.722		235.602.739	
Cộng	13.699.473.776	(322.705.703)	10.010.130.441	(322.705.703)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	322.705.703	200.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung		122.705.703
Số cuối năm	322.705.703	322.705.703

CHỖ
CÓI
HÀNH
TỔ
TẠI
3 Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	30.307.893.657	123.427.851.386	49.291.523.754	538.456.103	1.911.751.840	205.477.476.740
Tăng do mua sắm mới		2.977.644.599				2.977.644.599
Đầu tư XD/CB hoàn thành	655.320.900		13.479.070.719			14.134.391.619
Số cuối năm	30.963.214.557	126.405.495.985	62.770.594.473	538.456.103	1.911.751.840	222.589.512.958
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.459.892.151	5.287.924.166	2.207.162.147	469.744.285		11.424.722.749
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	17.519.193.719	73.700.127.519	22.259.753.202	484.676.253	536.457.095	114.500.207.788
Tăng do khấu hao trong năm	1.769.609.795	8.573.716.512	3.632.275.014	20.728.188	95.587.596	14.091.917.105
Số cuối năm	19.288.803.514	82.273.844.031	25.892.028.216	505.404.441	632.044.691	128.592.124.893
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.788.699.938	49.727.723.867	27.031.770.552	53.779.850	1.375.294.745	90.977.268.952
Số cuối năm	11.674.411.043	44.131.651.954	36.878.566.257	33.051.662	1.279.707.149	93.997.388.065
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 539.582.483 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Sơn La.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển chi phí</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình: Cải tạo nâng cấp Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị tứ Nà Sản, huyện Mai Sơn		8.878.121.657			8.878.121.657
Công trình: Cải tạo nâng cấp tuyến ống D280-225 từ trạm km7 đến TBA 110KV và từ ngã 3 Chiềng ngắn đến TB Km10 P. Chiềng sinh		3.960.078.997	(3.960.078.997)		
Công trình: Cải tạo nâng cấp tuyến ống nước thô từ bản Thín về trạm xử lý		2.989.066.677	(2.989.066.677)		
Công trình: Tuyến ống cấp nước sinh hoạt, bổ sung nguồn nước cho Xí nghiệp cấp nước thành phố số 1 và xã Hua La		2.961.058.891	(2.961.058.891)		
Công trình: Thi công tuyến ống D225,160 từ Nhà máy đường đến trạm 19/5 huyện Mai Sơn		2.506.217.475	(2.506.217.475)		
Công trình khác		2.209.773.675	(1.717.969.579)	(222.730.353)	269.073.743
Cộng		23.504.317.372	(14.134.391.619)	(222.730.353)	9.147.195.400

10. Chi phí trả trước dài hạn

Là khoản chi phí xin cấp phép khai thác nước mặt, nước ngầm và nước thải vào nguồn nước còn phải phân bổ.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	169.444.200	
Công ty cổ phần VBIC Sơn La	169.444.200	
Phải trả các nhà cung cấp khác	4.194.626.507	157.418.733
Công ty cổ phần Cúc Phương	2.166.262.574	
Công ty cổ phần thương mại VIWAPICO	1.667.778.200	
Các nhà cung cấp khác	360.585.733	157.418.733
Cộng	4.364.070.707	157.418.733

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	266.690.412		769.289.208	(912.698.435)	123.281.185	
Thuế thu nhập cá nhân		3.153.200	163.585.600	(162.280.800)		1.848.400
Thuế tài nguyên	117.259.389		1.799.082.041	(1.743.954.204)	172.387.226	
Tiền thuê đất		32.026.533	222.198.233	(190.171.700)		
Các loại thuế khác	452.021.856		2.629.475.734	(2.974.349.376)	107.148.214	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			19.245.800	(35.245.800)		16.000.000
Cộng	835.971.657	35.179.733	5.602.876.616	(6.018.700.315)	402.816.625	17.848.400

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động	Thuế suất
Hoạt động sản xuất kinh doanh Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt	5%
Hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm, được miễn thuế trong vòng 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo do là Doanh nghiệp cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy nước, hệ thống cấp thoát nước.

Năm 2016 là năm thứ 08 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.629.277.479	8.161.610.442
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	269.805.436	35.528.008
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế)	269.805.436	35.528.008
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	13.630.939.481	8.197.138.450
Lỗi các năm trước được chuyển		(611.728.297)
Thu nhập tính thuế	13.899.082.915	7.585.410.153
<i>Trong đó: Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính</i>	<i>13.403.515.830</i>	<i>5.834.956.185</i>
<i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>	<i>495.567.085</i>	<i>1.750.453.968</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.439.465.000	968.595.492
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh chính</i>	<i>1.340.351.583</i>	<i>583.495.619</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động khác</i>	<i>99.113.417</i>	<i>385.099.873</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của hoạt động sản xuất kinh doanh chính (50%)</i>	<i>(670.175.792)</i>	<i>(291.747.810)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	769.289.208	676.847.682

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước bề mặt với mức 1%, cho hoạt động khai thác nước ngầm là 3% trong 06 tháng đầu năm và 5% trong 06 tháng cuối năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	775.117.267	33.589.450
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	75.136.207	
Phí dịch vụ thoát nước phải nộp cho Cục thuế tỉnh Sơn La	666.391.610	
Các khoản phải trả khác	33.589.450	33.589.450
Cộng	775.117.267	33.589.450

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

14. Vay và nợ**14a. Vay ngắn hạn**

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.14b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.307.301.357	6.138.140.170
Kết chuyển từ vay dài hạn	6.325.025.508	6.307.301.357
Số tiền vay đã trả	(6.336.435.540)	(6.196.992.919)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán	29.134.183	58.852.749
Số cuối năm	6.325.025.508	6.307.301.357

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14b. Vay dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	45.268.955.399	51.176.653.448
Vay dài hạn ngân hàng	29.465.124.885	35.372.822.934
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La ⁽ⁱ⁾	29.075.124.885	34.472.822.934
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Sơn La ⁽ⁱⁱ⁾	390.000.000	900.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	15.803.830.514	15.803.830.514
- Vay vốn ODA dự án Cấp nước Jbic Mộc Châu	7.844.942.884	7.844.942.884
- Vay vốn ODA dự án Cấp nước Yên Châu	7.958.887.630	7.958.887.630
Cộng	45.268.955.399	51.176.653.448

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho Thành phố Sơn La với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 24 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 2 lần/năm, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 6 năm 2006.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Sơn La để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên bản xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La với lãi suất linh hoạt được bên cho vay điều chỉnh theo định kỳ tối thiểu 3 tháng/lần, lãi suất tại thời điểm cho vay là 12%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng lô đất tại tổ 5 phường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La và nhà xây trên diện tích đất trên.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	6.325.025.508	6.307.301.357
Trên 1 năm đến 5 năm	45.268.955.399	45.431.185.148
Trên 5 năm		5.745.468.300
Cộng	51.593.980.907	57.483.954.805

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ		Số cuối năm
		Số đầu năm	Số kết chuyển	
Vay dài hạn ngân hàng	35.372.822.934	417.327.459	(6.325.025.508)	29.465.124.885
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh Sơn La	34.472.822.934	417.327.459	(5.815.025.508)	29.075.124.885
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Sơn La	900.000.000		(510.000.000)	390.000.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	15.803.830.514			15.803.830.514
Vay vốn ODA dự án Cấp nước Jbic Mộc Châu	7.844.942.884			7.844.942.884

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ			
	Số đầu năm	cuối năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
<i>Vay vốn ODA dự án Cấp nước Yên Châu</i>	7.958.887.630			7.958.887.630
Cộng	51.176.653.448	417.327.459	(6.325.025.508)	45.268.955.399

14c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Tổng cộng
Số dư đầu năm	401.052.142	51.439.063	452.491.205
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	325.919.391		325.919.391
Tăng khác	2.300.000		2.300.000
Chi quỹ trong năm	(228.600.000)		(228.600.000)
Số dư cuối năm	500.671.533	51.439.063	552.110.596

20/10/2016
 TRÁI
 GIÉM
 CHỮ
 CHỮ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SON LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	58.096.293.395	(3.845.465.533)	1.555.233.731	(966.374.939)	2.664.135.583	57.503.822.237
Chuyển vốn hỗ trợ từ ngân sách Dự án Chiến Ngân sang Vốn chủ sở hữu	2.500.000.000				(2.500.000.000)	
Lợi nhuận trong năm trước				7.484.762.760		7.484.762.760
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá vào kết quả kinh doanh năm trước		2.359.425.388				2.359.425.388
Tặng, giảm khác	6.605				(6.605)	
Số dư cuối năm trước	60.596.300.000	(1.486.040.145)	1.555.233.731	6.518.387.821	164.128.978	67.348.010.385
Số dư đầu năm nay	60.596.300.000	(1.486.040.145)	1.555.233.731	6.518.387.821	164.128.978	67.348.010.385
Lợi nhuận trong năm nay				12.859.988.271		12.859.988.271
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá vào kết quả kinh doanh năm nay		1.486.040.145				
Trích lập các quỹ			2.802.906.763	(3.128.826.154)		(325.919.391)
Chia cổ tức, lợi nhuận				(3.029.815.000)		(3.029.815.000)
Số dư cuối năm nay	60.596.300.000		4.358.140.494	13.219.734.938	164.128.978	78.338.304.410

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Sơn La)	30.904.100.000	30.904.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ đông khác	14.692.200.000	14.692.200.000
Cộng	60.596.300.000	60.596.300.000

16c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	6.059.630	6.059.630
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	6.059.630	6.059.630
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	6.059.630	6.059.630
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 VND	10.000 VND

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 24 tháng 01 năm 2016 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 3.029.815.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 2.802.906.763
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 325.919.391

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La - Tiền giá trị xây lắp Trạm bơm tăng áp số 2 - Hệ thống cấp nước cho nhà máy đường Sơn La	111.668.900	111.668.900	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Phát triển Đô thị Sơn La - Thi công lắp đặt tuyến ống cấp nước D70 qua đường Chu Văn Thịnh	84.208.736	84.208.736	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Trường Chính trị tỉnh Sơn La - Thi công tuyến cấp ống gang D100	25.031.277	25.031.277	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Trại tâm thần tỉnh Sơn La - Thi công công trình	11.655.833	11.655.833	Phát sinh lâu, hồ sơ thất lạc
Hệ thống cấp nước tổ 18, Chiềng Lè - Khoản ứng tiền thi công công trình	40.730.000	40.730.000	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Hệ thống cấp nước Cò Nồi, Mai Sơn - Khoản ứng tiền thi công công trình	101.667.568	101.667.568	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Cộng	374.962.314	374.962.314	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa	161.864.200	106.087.000
Kinh doanh nước thương phẩm	109.853.765.990	98.326.179.165
Kinh doanh nước đóng chai	1.571.479.537	1.812.596.896
Lắp đặt nhỏ	3.348.098.558	2.904.201.552
Cung cấp dịch vụ	836.702.436	719.431.572
Hợp đồng xây dựng	1.355.217.272	3.799.953.181
Cộng	<u>117.127.127.993</u>	<u>107.668.449.366</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa	161.864.200	106.087.000
Kinh doanh nước thương phẩm	84.146.445.655	79.005.599.275
Kinh doanh nước đóng chai	1.564.026.218	2.036.777.913
Lắp đặt nhỏ	3.375.767.646	2.875.604.994
Cung cấp dịch vụ	365.288.287	587.090.211
Hợp đồng xây dựng	1.166.216.333	3.546.476.196
Cộng	<u>90.779.608.339</u>	<u>88.157.635.589</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	937.553.921	1.183.304.694
Kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ các năm trước	1.486.040.145	2.359.425.388
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	29.134.183	58.852.749
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	417.327.459	1.183.215.225
Cộng	<u>2.870.055.708</u>	<u>4.784.798.056</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.788.298.892	5.095.988.791
Chi phí vật liệu quản lý	99.771.401	88.445.930
Chi phí đồ dùng văn phòng	392.393.797	214.122.856
Chi phí khấu hao TSCĐ	76.047.852	70.055.814
Thuế, phí và lệ phí	30.547.278	35.754.396
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(161.156.400)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	812.018.637	418.274.902
Chi phí bằng tiền khác	2.313.898.078	2.217.813.942
Cộng	<u>10.351.819.535</u>	<u>8.140.456.631</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ bán phế liệu		47.981.818
Chênh lệch giá trị đánh giá lại của tài sản đem góp vốn		976.911.818
Thu tiền khoản doanh thu xe tải		16.000.000
Phí nước thải sinh hoạt được để lại đơn vị	459.646.045	467.362.863
Thu nhập khác	1.309.000	19.500.484
Cộng	<u>460.955.045</u>	<u>1.527.756.983</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	404.036	32.159.447
Khấu hao xe ô tô tải khoán cho đội		3.368.561
Chi phí khác	1.001.400	
Cộng	<u>1.405.436</u>	<u>35.528.008</u>

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.859.988.271	7.484.762.760
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(642.999.414)	(374.238.138)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>(642.999.414)</i>	<i>(374.238.138)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	12.216.988.857	7.110.524.622
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.059.630	6.059.630
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.016</u>	<u>1.173</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.675.475.425	31.647.759.335
Chi phí nhân công	43.818.365.342	39.430.516.311
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.091.917.105	13.157.249.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	860.233.937	418.274.902
Chi phí khác	9.681.517.048	8.889.783.950
Cộng	<u>101.127.508.857</u>	<u>93.543.583.936</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.731.419.100	1.121.476.400
Phụ cấp	555.600.000	
Cộng	<u>2.287.019.100</u>	<u>1.121.476.400</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần VBIC Sơn La là công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

TRẢ KIẾM

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.11.

2. Số liệu so sánh

Các sai sót

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đang được phản ánh trên chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước" khi lập Báo cáo tài chính, số tiền 695.907.365 VND.

Khoản tạm ứng vốn kinh doanh dài hạn cho các Giám đốc chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đang được phản ánh trên chỉ tiêu "Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc" khi lập Báo cáo tài chính, số tiền 1.350.000.000 VND.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót đến số liệu so sánh như sau

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		695.907.365	695.907.365
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	731.087.098	(695.907.365)	35.179.733
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	1.350.000.000	(1.350.000.000)	
Phải thu dài hạn khác	216		1.350.000.000	1.350.000.000

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.539.792.629				1.539.792.629
Phải thu khách hàng	7.578.235.421				7.578.235.421
Cộng	9.118.028.050				9.118.028.050
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.146.496.355				11.146.496.355
Phải thu khách hàng	6.510.656.957			161.156.400	6.671.813.357
Cộng	17.657.153.312			161.156.400	17.818.309.712

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	6.325.025.508	45.268.955.399		51.593.980.907
Phải trả người bán	4.364.070.707			4.364.070.707
Các khoản phải trả khác	690.231.060			690.231.060
Cộng	11.379.327.275	45.268.955.399		56.648.282.674
Số đầu năm				
Vay và nợ	6.307.301.357	45.431.185.148	5.745.468.300	57.483.954.805
Phải trả người bán	157.418.733			157.418.733
Các khoản phải trả khác	473.839.450			473.839.450
Cộng	6.938.559.540	45.431.185.148	5.745.468.300	58.115.212.988

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

ỦY BAN
 GIÁM ĐỐC
 VÀ T
 & C
 SƠN LA
 - T

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Công ty chỉ có khoản vay bằng ngoại tệ với số dư tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.574.820,60 USD (số đầu năm 1.837.290,72 USD).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 662.912.857 VND (năm trước giảm/tăng 744.038.436 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 900.000.000 VND (số đầu năm là 1.380.000.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3d. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2016.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.539.792.629		11.146.496.355		1.539.792.629	11.146.496.355
Phải thu khách hàng	7.578.235.421		6.671.813.357	(161.156.400)	7.578.235.421	6.510.656.957
Cộng	9.118.028.050		17.818.309.712	(161.156.400)	9.118.028.050	17.657.153.312

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	51.593.980.907	57.483.954.805	51.593.980.907
Phải trả người bán	4.364.070.707	157.418.733	4.364.070.707	157.418.733
Các khoản phải trả khác	690.231.060	473.839.450	690.231.060	473.839.450
Cộng	56.648.282.674	58.115.212.988	56.648.282.674	58.115.212.988

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

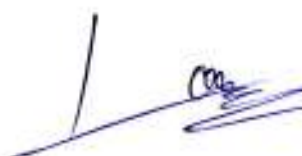
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Sơn La, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Xuân Long

Kim Ngọc Nhiệm

Bùi Văn Đỉnh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Sơn La)	30.904.100.000	30.904.100.000
Cổ đông khác	29.692.200.000	29.692.200.000
Cộng	<u>60.596.300.000</u>	<u>60.596.300.000</u>

16c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	6.059.630	6.059.630
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	6.059.630	6.059.630
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	6.059.630	6.059.630
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 VND	10.000 VND

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 24 tháng 01 năm 2016 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 3.029.815.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 2.802.906.763
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 325.919.391

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La - Tiền giá trị xây lắp Trạm bơm tăng áp số 2 - Hệ thống cấp nước cho nhà máy đường Sơn La	111.668.900	111.668.900	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Phát triển Đô thị Sơn La - Thi công lắp đặt tuyến ống cấp nước D70 qua đường Chu Văn Thịnh	84.208.736	84.208.736	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Trường Chính trị tỉnh Sơn La - Thi công tuyến cấp ống gang D100	25.031.277	25.031.277	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Trại tâm thần tỉnh Sơn La - Thi công công trình	11.655.833	11.655.833	Phát sinh lâu, hồ sơ thất lạc
Hệ thống cấp nước tổ 18, Chiềng Lê - Khoản ứng tiền thi công công trình	40.730.000	40.730.000	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Hệ thống cấp nước Cò Nòi, Mai Sơn - Khoản ứng tiền thi công công trình	101.667.568	101.667.568	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>374.962.314</u>	<u>374.962.314</u>	